

Bản án số: 17/2020/HSST
Ngày 11/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Xuân.
Bà Đặng Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện VKSND Huyện Đ, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 11 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Ngọc H; Tên gọi khác: Chút; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 05/9/1989 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn T, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 8/12; Cha: Nguyễn N, SN: 1964; Mẹ: Nguyễn Thị B, SN: 1963; Bị cáo chưa vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 28/6/2017, bị TAND Huyện Đ xét xử về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ nhưng được miễn trách nhiệm hình sự, theo quy định tại khoản 3 Điều 29 BLHS.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/3/2020 đến ngày 17/3/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn S; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1980 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn T, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Mù chữ; Cha: Nguyễn A, SN: 1925 (đã chết); Mẹ: Trần Thị K, SN: 1937; Bị cáo chưa vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/3/2020 đến ngày 17/3/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn G B; Giới tính: nam; Sinh năm: 1985 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn P, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc:

Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Nguyễn Quốc C, SN: 1962; Mẹ: Huỳnh Thị D, SN: 1962; Bị cáo chưa vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 27/02/2020, có hành vi tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa tại khu vực dốc I thuộc thôn T, xã X nam, Huyện Đ bị khởi tố, truy tố về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Ngày 27/11/2020 bị TAND Huyện Đ tuyên phạt 06 tháng tù.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/3/2020 đến ngày 17/3/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn K L; Tên gọi khác: Tý; Giới tính: nam; Sinh năm: 1992 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn L, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ sửa chữa ô tô; Trình độ học vấn: 7/12; Cha: Nguyễn Văn F, SN: 1960; Mẹ: Nguyễn Thị Thu G, SN: 1960; Vợ: Nguyễn Thị H, SN: 1993; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 27/02/2020, có hành vi tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa tại khu vực dốc I thuộc thôn T, xã X nam, Huyện Đ bị khởi tố, truy tố về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Ngày 27/11/2020 bị TAND Huyện Đ tuyên phạt 06 tháng tù.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/3/2020 đến ngày 17/3/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Phạm Đình K; Tên gọi khác: Beo; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1986 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn T, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Phạm Đình M (đã chết); Mẹ: Trần Thị N, SN: 1962; Bị cáo chưa vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

+ Ngày 20/10/2015, có hành vi tham gia đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Đến ngày 13/4/2016, được TAND Huyện Đ xét xử tuyên miễn trách nhiệm hình sự.

+ Ngày 27/02/2020, có hành vi tham gia đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa tại dốc I thuộc thôn T, xã X nam, Huyện Đ bị khởi tố, truy tố về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Ngày 27/11/2020 bị TAND Huyện Đ tuyên phạt 09 tháng tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Nguyễn Lâm Q; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1980 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn T, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Nguyễn S (đã chết); Mẹ: Thái Thị NH, SN: 1946; Bị cáo chưa vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 27/02/2020, có hành vi tham gia đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa tại dốc I thuộc thôn T, xã X nam, Huyện Đ bị

khởi tố, truy tố về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Ngày 27/11/2020 bị TAND Huyện Đ tuyên phạt 06 tháng tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Bùi Văn V; Tên gọi khác: Xíu; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1976 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn T, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 2/12; Cha: Bùi Văn O, SN: 1944; Mẹ: Nguyễn Thị TH, SN: 1949; Vợ: Nguyễn Thị Bạch CH, SN: 1978; Bị cáo có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 06/9/1993, bị Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ra Lệnh bắt buộc lao động tập trung, thời hạn 12 tháng về hành vi trộm cắp tài sản công dân, gây rối trật tự trị an và đánh người gây thương tích.

+ Ngày 28/12/1995, bị TAND Huyện Đ xét xử tuyên phạt 06 tháng tù về tội Không chấp hành các quyết định hành chính về cư trú bắt buộc, cấm cư trú, quản chế hoặc lao động bắt buộc.

+ Ngày 11/8/1999, bị Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Nguyễn Thị Y; Tên gọi khác: Tiên; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1982 tại Huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; Nơi cư trú: Khu phố Phú Hiệp 2, thị trấn C Hiệp Trung, Huyện Đông C, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; Cha: Lê Văn Đền (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị CH (đã chết); Chồng: Nguyễn Trọng KH, SN: 1967; Bị cáo có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 27/3/2014, bị TAND Huyện Đông C, tỉnh Phú Yên xử phạt 04 năm tù về tội Chứa mại dâm. Chấp hành hình phạt đến ngày 31/8/2015 được đặc xá.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Nguyễn Văn C; Tên gọi khác: Tèo; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1975 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn T, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Cha: Nguyễn E3 (đã chết); Mẹ: Lê Thị E4, SN: 1931; Vợ: Phạm Đình Thị Minh E5, SN: 1979; Bị cáo có 02 con, sinh năm 2003 và 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Phạm Thị G Y; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1983 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn T, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Cha:

Phạm X2, SN: 1952; Mẹ: Lê Thị E1, SN: 1952; Chồng: Cao Ngọc E2, SN: 1980; Bị cáo có 02 con, sinh năm 2006 và 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: Phạm Văn M1; Tên gọi khác: Xin; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1978 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn T, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Cha: Phạm X2, SN: 1952; Mẹ: Lê Thị E1, SN: 1952; Vợ: Ngô Thị G1, SN: 1984; Bị cáo có 02 con, sinh năm 2005 và 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên: Nguyễn Thành M2; Giới tính: nam; Sinh năm: 1987 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn P, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Nguyễn Văn G, SN: 1962; Mẹ: Huỳnh Thị D3, SN: 1962; Bị cáo chưa vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

13. Họ và tên: Nguyễn K M3; Tên gọi khác: Đùi; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1983 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn T, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Cha: Nguyễn S, SN: 1926 (Đã chết); Mẹ: Thái Thị NH, SN: 1946; Bị cáo chưa vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

14. Họ và tên: Nguyễn Thị Thu A1; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1982 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn P, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Nguyễn Ngọc H1, SN: 1955; Mẹ: Nguyễn Thị CH, SN: 1962; Chồng: Nguyễn Bá H2 (không có hôn thú); Bị cáo có 02 con, sinh năm 1999 và 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

15. Họ và tên: Lê Thị Thu CH; Giới tính: H; Sinh năm: 1972 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn T, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Mù chữ; Cha: Lê C2, SN: 1942; Mẹ: Nguyễn Thị C3 (đã chết); Chồng: Đặng Văn C4, SN: 1968; Bị cáo có 02 con, sinh năm 1992 và 1997; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

16. Họ và tên: Nguyễn Thị D1; Giới tính: H; Sinh năm: 1958 tại Huyện Đ; Nơi cư trú: Thôn T, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân

tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 01/12; Cha: Nguyễn D2 (đã chết); Mẹ: Trần Thị D3 (đã chết); Chồng: Nguyễn D4, SN: 1954 (đã ly hôn). Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1985; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 17/9/2002, bị Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ra Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, thời gian 12 tháng về hành vi hành nghề mại dâm.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Lâm Q (theo yêu cầu của các bị cáo): Ông Trần Danh Tương - Luật sư văn phòng Luật sư Trần Danh - thuộc đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 08/3/2020, trong lúc uống cà phê tại quán Thiên Di thuộc thôn T, xã X anm, Huyện Đ, Phạm Đình K và Nguyễn Lâm Q hỏi Nguyễn Ngọc H cho mượn nhà của H để tổ chức đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa và hứa hẹn sẽ thu tiền của những người đến đánh bạc để đưa cho H và H đồng ý. Khoảng 15 phút sau, Q một mình đi đến nhà H, sau đó Phạm Đình K và các bị can Bùi Văn V, Nguyễn S, Nguyễn Văn C, Nguyễn K M3, Nguyễn Thị D1, Phạm Văn M1, Lê Thị Thu CH, Phạm Thị G Y, Nguyễn Thành M2, Nguyễn G B, Nguyễn Thị Thu Ánh, Nguyễn K L và Nguyễn Thị Y (tên gọi khác là Tiên) lần lượt đến nhà của H với mục đích để đánh bạc. Khi thấy đã có nhiều người đến, K lấy bộ dụng cụ gồm chén, đĩa đem vào bên trong nhà bếp của H, sau đó K trực A cắt đồng vị và lật mặt sau tờ giấy in hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai vẽ các hình tròn để đặt tiền đánh bạc với hình thức sincô. H lấy một cái mền của gia đình trải dưới nền nhà để làm bàn đặt tiền đánh bạc với hình thức chắn lẻ. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn S bắt đầu làm cái xóc đĩa cho B, L, C, Y (Tiên), V, M1, Y, D1, M3, M2, CH, Ánh, K, Q tham gia đặt tiền để thắng thua. Mỗi bị cáo tham gia đặt tiền để thắng thua từ 50.000 đồng đến 300.000 đồng. Tổng số tiền đặt trên chiếu bạc mỗi ván từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Trong lúc sòng bạc diễn ra, H cầm đèn pin đi canh gác, canh giới bên ngoài sòng bạc và thỉnh thoảng đi vào sòng bạc để xem đánh bạc. Phạm Đình K trực tiếp đứng ra thu tiền “xâu” của những người đến đánh bạc được 200.000 đồng và đưa cho H. Trong lúc đang đánh bạc, M1 thua tiền nên nghi ngờ bộ chén, đĩa của S đang xóc có gian lận nên đập vỡ chén, đĩa và bồi thường cho K 100.000 đồng tiền chén, đĩa. Để tiếp tục việc đánh bạc, H lấy một cái chén tại nhà mình, D1 về nhà lấy một cái đĩa mang đến để S tiếp tục làm cái cho cả nhóm tham gia đặt tiền để thắng thua. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Lâm Q không tham gia đánh bạc nữa nên rời khỏi sòng bạc còn S, B, L, C, Y (Tiên), V, M1, Y, D1, M3, M2, CH, Ánh, K vẫn A tục đánh bạc thắng thua với nhau cho đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an Huyện Đ bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.179.000 đồng, thu giữ trên người các bị cáo số tiền 38.940.000 đồng (trong đó số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là

7.750.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 12.929.000 đồng (mười hai triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Vật chứng và tài sản thu giữ:

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 44.119.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm mười chín nghìn đồng);
- 01 (một) chén sứ màu trắng, đường kính 11,1cm;
- Nhiều mảnh sứ màu trắng hoa văn màu C3 bị vỡ, mảnh lớn nhất kích thước (12x02)cm, mảnh nhỏ nhất kích thước (2,8x1,7)cm;
- Nhiều mảnh sứ màu trắng hoa văn màu C3 bị vỡ, mảnh lớn nhất kích thước (06x3,5)cm, mảnh nhỏ nhất kích thước (01x1,7)cm;
- 01 (một) tờ giấy in hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai kích thước (41x31,8)cm, mặt sau tờ giấy có vẽ các hình tròn kẻ thành 04 ô vuông;
- 19 (mười chín) lá bài tây còn nguyên vẹn;
- 08 (tám) đồng vị hình tròn được cắt từ lá bài tây, đường kính 02cm;
- 01 (một) cái mền màu hồng hoa văn màu vàng, kích thước (180x110)cm;
- 02 (hai) vỏ lon nước ngọt hiệu Redbull;
- 01 (một) vỏ lon bia hiệu BiviE4;
- 01 (một) đèn pin cầm tay (loại sạc điện), màu đỏ, không rõ hiệu, trên thân đèn có dán tờ giấy ghi dòng chữ TH.11.17;
- 01 (một) xe mô tô BKS 86H8-4638, kiểu dáng Wave, màu C3, số máy 00002205, số khung D61B02265 của Phạm Đình K;
- 01 (một) xe mô tô BKS 78F8-1494, kiểu dáng Dream, số máy 10622108, số khung 011668 của Nguyễn Thành M2;
- 01 (một) xe mô tô BKS 78H1-8226, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, số máy 14698, số khung 14698 của Bùi Văn V;
- 01 (một) xe mô tô BKS 78M1-6700, kiểu dáng Wave, số máy 011903, số khung 11903 của Nguyễn G B (xe đã thay đổi một số bộ phận);
- 01 (một) xe mô tô BKS 78K1-040.06, nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ - đen, số máy 5067286, số khung 635039 của Nguyễn S;
- 01 (một) xe mô tô BKS 78K1-107.21, nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu trắng, số máy 1PB3062078, số khung PB30EY062077 của Nguyễn Văn C;
- 01 (một) điện C4 di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI: 352891101499230 của Nguyễn S;
- 01 (một) điện C4 di động hiệu Nokia, màu hồng, số IMEI 1: 355752100366332, số IMEI 2: 355752100866331 của Nguyễn Ngọc H;
- 01 (một) điện C4 di động hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 1: 868683045174293, số IMEI 2: 868683045174285 của Nguyễn Ngọc H;
- 01 (một) điện C4 di động hiệu SamSung, màu hồng, số IMEI 1: 351556099509412/01, số IMEI 2: 351557099509410/01 của Nguyễn K L;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Viettel, màu đỏ, số IMEI: 356781091764865 của Nguyễn G B;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI 1: 354179103514943, số IMEI 2: 354179104014943 của Nguyễn Thị Y;
- 01 (một) điện C4 di động hiệu Masstel, màu vàng đồng, số IMEI 1: 357012068452873, số IMEI 2: 357012068452881 của Nguyễn Văn C;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu CoGo, màu đen, viền đỏ của Phạm Thị G Y.

Tại bản Cáo trạng số: 15/CT-VKS-ĐX ngày 20/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội “*Gá bạc*”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn S, Nguyễn G B, Nguyễn K L, Phạm Đình K, Nguyễn Lâm Q, Bùi Văn V, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Văn C, Phạm Thị G Y, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Nguyễn K M3, Nguyễn Thị Thu Ánh, Lê Thị Thu CH và Nguyễn Thị D1 về tội “*Đánh bạc*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

* Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đã nêu. Kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “*Gá bạc*”; các bị cáo Nguyễn S, Nguyễn G B, Nguyễn K L, Phạm Đình K, Nguyễn Lâm Q, Bùi Văn V, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Văn C, Phạm Thị G Y, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Nguyễn K M3, Nguyễn Thị Thu Ánh, Lê Thị Thu CH và Nguyễn Thị D1 phạm tội “*Đánh bạc*”. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét:

- Áp dụng điểm b khoản 1, 3 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H. Đề nghị xử phạt bị cáo tù 12 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 08/3/2020 đến ngày 17/3/2020 và phạt bổ sung từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn S. Đề nghị xử phạt bị cáo tù 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 08/3/2020 đến ngày 17/3/2020 và phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn K L, Nguyễn G B. Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo tù 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 08/3/2020 đến ngày 17/3/2020 và phạt bổ sung mỗi bị cáo tù 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Phạm Đình K, Nguyễn Lâm Q; bị cáo K còn được áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo tù 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án và phạt bổ sung mỗi bị cáo tù 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Bùi Văn V và Nguyễn Thị Y (Tiên). Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo tù 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án và phạt bổ sung mỗi bị cáo tù 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Phạm Thị G Y, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Nguyễn K M3, Nguyễn Thị Thu Ánh, Lê Thị Thu CH, Nguyễn Thị D1. Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ. Giao các bị cáo cho UBND xã X nam, Huyện Đ để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã X nam, Huyện Đ trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.129.000đ (mười ba triệu, một trăm hai mươi chín ngàn đồng), trong đó thu giữ trên chiếu bạc 5.179.000đ; thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc được xác định sử dụng vào việc đánh bạc 7.750.000đ và số tiền 200.000đ thu L bất chính của Nguyễn Ngọc H.

- Tịch thu tiêu hủy: các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội.

- Trả lại tiền và tài sản cho các bị cáo: trả lại số tiền không có căn cứ chứng minh là sẽ dùng vào việc đánh bạc và các vật chứng không phải là công cụ, phương tiện phạm tội (xe máy, điện thoại).

* Luật sư Trần Danh Tương – Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Lâm Q trình bày:

- Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H: Viện kiểm sát truy tố Nguyễn Ngọc H về tội gá bạc là không có cơ sở vì H không có quyền sở hữu, quản lý ngôi nhà nơi các bị cáo thực hiện việc đánh bạc, nhà này là của cha mẹ bị cáo. Bị cáo H chỉ đồng phạm về tội đánh bạc vì có hành vi chuẩn bị dụng cụ phục vụ đánh bạc và cảnh giới cho các bị cáo khác đánh bạc. Từ đó, Luật sư đề nghị HĐXX ch2ển tội danh từ gá bạc sang đánh bạc đối với bị cáo H.

- Đối với bị cáo Nguyễn Lâm Q: Đề nghị HĐXX vận dụng Công văn 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của TANDTC, căn cứ tiền thu trực A tại chiếu bạc làm căn cứ để truy tố bị cáo; các bị cáo khác khai là thấy Q có tham gia đánh bạc nhưng lời khai không thống nhất, lúc khai có nhìn thấy đánh bạc, lúc khai không nhìn thấy có đánh bạc hay không; khi bắt quả tang thì không có mặt bị cáo tại sòng bạc; nếu có thì tại thời điểm bị cáo Q tham gia đánh bạc, số tiền đánh bạc cũng chỉ từ 500.000đ đến 2.000.000đ, không đủ định lượng để truy tố bị cáo. Từ đó, Luật sư đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Q không phạm tội đánh bạc.

* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn S, Nguyễn G B, Nguyễn K L, Bùi Văn V, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Văn C, Phạm Thị G Y, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Nguyễn K M3, Nguyễn Thị Thu Ánh, Lê Thị Thu CH và Nguyễn Thị D1 khai phù hợp với nội Dung bản Cáo trạng, các bị cáo xin HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa bị cáo Phạm Đình K khai nhận hành vi phạm tội của mình và thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Riêng bị cáo Nguyễn Lâm Q không thừa nhận hành vi phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội Dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo (trừ bị cáo Q) tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và các vật chứng thu giữ được; phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà VKSND Huyện Đ đã truy tố. Các bị cáo Phạm Đình K, Nguyễn Lâm Q không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhưng căn cứ vào lời khai của các bị cáo khác, các biên bản nhận dạng và các tài liệu chứng cứ khác, HĐXX đủ cơ sở kết luận: Với mục đích thu L bất chính, nên từ khoảng 20 giờ 30 phút đến 23 giờ 45 phút ngày 08/3/2020, Nguyễn Ngọc H đã có hành vi sử dụng nhà ở của mình tại thôn T, xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên cho các bị cáo Nguyễn S, Nguyễn G B, Nguyễn K L, Phạm Đình K, Nguyễn Lâm Q, Bùi Văn V, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Văn C, Phạm Thị G Y, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Nguyễn K M3, Nguyễn Thị Thu Ánh, Lê Thị Thu CH và Nguyễn Thị D1 đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa với tổng số tiền 12.929.000 đồng (*mười hai triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng*). Bị cáo Nguyễn Ngọc H đã sử dụng nhà ở thuộc quyền quản lý của mình để cho trên 10 người đánh bạc với số tiền trên 5.000.000đ, nên hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc H đã cấu thành tội “*Gá bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn S, Nguyễn G B, Nguyễn K L, Phạm Đình K, Nguyễn Lâm Q, Bùi Văn V, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Văn C, Phạm Thị G Y, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Nguyễn K M3, Nguyễn Thị Thu Ánh, Lê Thị Thu CH và Nguyễn Thị D1 đã cấu thành tội “*Đánh bạc*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số: 15/CT-VKS-ĐX ngày 20/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội “*Gá bạc*”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 BLHS; các bị cáo Nguyễn S, Nguyễn G B, Nguyễn K L, Phạm Đình K, Nguyễn Lâm Q, Bùi Văn V, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Văn C, Phạm Thị G Y, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Nguyễn K M3, Nguyễn Thị Thu Ánh, Lê Thị Thu CH và Nguyễn Thị D1 về tội “*Đánh bạc*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hậu quả, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ pháp luật nghiêm cấm việc gá bạc và đánh bạc trái phép, nhưng các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, đã L dụng thời gian đêm tối, địa điểm kín đáo, khó phát hiện truy bắt của cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để thực hiện việc đánh bạc, nhằm mục đích sát phạt ăn thua nhau bằng tiền và thu L bất chính. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến

nếp sống văn minh của xã hội ở cộng đồng dân cư và dễ dẫn đến làm phát sinh những tiêu cực khác; nên cần xử phạt mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình có xem xét đến vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, quá trình nhân thân, thái độ khai báo sau khi phạm tội của từng bị cáo cụ thể để quyết định hình phạt phù hợp.

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H: Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi đánh bạc trái phép là một tệ nạn, gây ra nhiều tác hại xấu cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương nhưng với mục đích thu L bất chính từ việc đánh bạc, khi nghe bị cáo K, Q hỏi mượn nhà để tổ chức đánh bạc và hứa hẹn sẽ nộp tiền xâu, bị cáo đã đồng ý và đã sử dụng nhà ở của mình để cho các bị cáo khác tổ chức đánh bạc trái phép, đồng thời bị cáo cũng là người trực tiếp canh gác, cảnh giới khi sòng bạc diễn ra để thu lợi bất chính số tiền 200.000 đồng. Bị cáo là người có nhân thân xấu, vào ngày 28/6/2017 bị TAND Huyện Đ xét xử về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” nhưng được miễn trách nhiệm hình sự, bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Từ đó, thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, không ăn năn hối cải, ý thức tự cải tạo kém nên cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm, thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo, để xét xử bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với quan điểm của Luật sư bào chữa cho rằng bị cáo H không phạm tội gá bạc mà chỉ phạm tội đánh bạc với vai trò đồng phạm vì bị cáo H không phải chủ sở hữu hoặc quản lý ngôi nhà nơi các bị cáo đánh bạc. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H có quyền quản lý đối với nhà ở của mình và thực tế khi các bị cáo K, Q đã hỏi mượn nhà để đánh bạc thì H đã đồng ý và về chuẩn bị các dụng cụ phục vụ đánh bạc; mặc khác tại thời điểm các bị cáo đến nhà H để đánh bạc thì cha của bị cáo H không có mặt ở nhà, mẹ bị cáo thì bị tật không nghe, nhìn thấy nên bị cáo H là người có quyền quản lý ngôi nhà nơi các bị cáo thực hiện việc đánh bạc. Vì vậy, quan điểm bào chữa của Luật sư là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn S: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nhưng bị cáo vẫn bất chấp dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người cầm cái xóc đĩa để trực tiếp thắng thua với các bị cáo khác trong vụ án từ khi bắt đầu sòng bạc đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang và sử dụng số tiền 5.200.000 đồng vào mục đích đánh bạc, hành vi của bị cáo là nguy hiểm hơn các bị cáo khác trong cùng vụ án, thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật nên cần xét phạt bị cáo với mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với

bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, để xét xử bị cáo với mức án phù hợp.

[3.3] Đối với các bị cáo Phạm Đình K và Nguyễn Lâm Q: Bị cáo K là người có nhân thân xấu, thường xuyên tham gia đánh bạc, ngày 13/4/2016, bị TAND Huyện Đ xét xử về tội Đánh bạc nhưng được miễn trách nhiệm hình sự, ngày 27/11/2020 bị TAND Huyện Đ xét xử tuyên phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc. Trong quá trình điều tra vụ án đánh bạc xảy ra ngày 27/02/2020, bị cáo lại A tục tham gia đánh bạc vào ngày 08/3/2020. Từ đó thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, ý thức tự cải tạo kém. Trong vụ án này, bị cáo là người làm cái dưới hình thức “sin cô”, cung cấp dụng cụ đánh bạc và trực tiếp thu tiền xâu của các bị cáo khác để đưa cho bị cáo H với số tiền 200.000 đồng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm hơn bị cáo Q. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo không nhận tội, nhưng qua xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây dư luận xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên cần xét xử bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, để xử phạt bị cáo với mức án phù hợp.

Đối với bị cáo Q: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, bị cáo đã bất chấp pháp luật tham gia đánh bạc trái phép. Bản thân bị cáo vào ngày 27/02/2020, tham gia đánh bạc trái phép đến ngày 27/11/2020 bị TAND Huyện Đ xét xử tuyên phạt 06 tháng tù. Quá trình điều tra, truy tố và xét hỏi công khai tại tòa, bị cáo không thành khẩn khai báo, không thừa nhận hành vi phạm tội, cố tình che giấu hành vi phạm tội của bản thân. Tuy nhiên, đây là vụ án đánh bạc có nhiều bị cáo tham gia, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo C, L, S, V, M2, B, H đều khai nhận có thấy Q tham gia đánh bạc; bản thân các bị cáo và bị cáo Q là bạn bè trong xã, thường xuyên chơi chung và không có mâu thuẫn gì với nhau nên HĐXX xét thấy lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, tại các biên bản nhận dạng đủ cơ sở để kết luận bị cáo Q có tham gia đánh bạc như tại Cáo trạng truy tố bị cáo đã mô tả; đồng thời HĐXX không chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư cho rằng bị cáo Q không phạm tội đánh bạc. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây dư luận xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên cần xét xử bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung như lời đề nghị của KSV tại phiên tòa là phù hợp. Xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo không nguy hiểm bằng bị cáo K nhưng vì bị cáo không thật thà

khai báo nên cần xử phạt bị cáo mức án như với bị cáo K để răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.4] Đối với các bị cáo Nguyễn G B, Nguyễn K L: Bản thân các bị cáo vào ngày 27/02/2020 tham gia đánh bạc tại dốc I thuộc thôn T, xã X nam, Huyện Đ bị bắt quả tang đến ngày 27/11/2020 bị TAND Huyện Đ xử phạt mỗi bị cáo 06 tháng tù. Trong thời gian điều tra vụ án các bị cáo lại tiếp tục phạm tội đánh bạc vào ngày 08/3/2020. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nhưng chỉ vì để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, tham gia đánh bạc trái phép. Từ đó thể hiện các bị cáo là người coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải, ý thức tự cải tạo kém, nên cần xét xử các bị cáo mức án nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, để xét xử các bị cáo với mức án phù hợp.

[3.5] Đối với các bị cáo Bùi Văn V, Nguyễn Thị Y: Bản thân các bị cáo là người trực tiếp tham gia đánh bạc, V sử dụng 500.000 đồng, Y sử dụng 450.000 đồng để đánh bạc. Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, bị cáo V: Ngày 06/9/1993, bị Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ra Lệnh bắt buộc lao động tập trung, thời hạn 12 tháng về hành vi trộm cắp tài sản công dân, gây rối trật tự trị an và đánh người gây thương tích. Ngày 28/12/1995, bị TAND H2ện Đ xét xử tuyên phạt 06 tháng tù về tội Không chấp hành các quyết định hành chính về cư trú bắt buộc, cấm cư trú, quản chế hoặc lao động bắt buộc. Ngày 11/8/1999, bị Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng. Bị cáo Y: Ngày 27/3/2014, bị TAND Huyện Đông C, tỉnh Phú Yên xử phạt 04 năm tù về tội Chứa mại dâm (chấp hành đến ngày 31/8/2015 được đặc xá). Các bị cáo lấy đó làm bài học để tự cải tạo, khắc phục, sửa chữa mà lại tiếp tục phạm tội. Từ đó thể hiện các bị cáo là người coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải, ý thức tự cải tạo kém nên cần xét xử các bị cáo mức án nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, để xét xử các bị cáo với mức án phù hợp.

[3.6] Đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Phạm Thị G Y, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Nguyễn K M3, Nguyễn Thị Thu A1, Lê Thị Thu CH, Nguyễn Thị D1: Các bị cáo đều là người trực tiếp tham gia đánh bạc tại sòng bạc. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, các bị cáo đã tham gia đánh bạc trái phép nên cần xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội

của bản thân; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Mặt khác, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục, thử thách một thời gian cũng đủ để các bị cáo nhận ra lỗi lầm, vừa có thể giáo dục, răn đe đối với các bị cáo, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3.7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn S, Nguyễn G B, Nguyễn K L, Phạm Đình K, Nguyễn Lâm Q, Bùi Văn V, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Văn C, Phạm Thị G Y, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Nguyễn K M3, Lê Thị Thu CH đều không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thị Thu A1 có giấy xác nhận của chính quyền địa phương là có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập bấp bênh, đang nuôi hai con ăn học; bị cáo Nguyễn Thị D1 có xác nhận có hoàn cảnh khó khăn, bản thân già yếu, thường xuyên bệnh tật nên HĐXX xét miễn tiền phạt bổ sung đối với bị cáo A1, D1.

[4] Đối với ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị B: Là cha, mẹ và cùng sống chung nhà với bị cáo Nguyễn Ngọc H nhưng không biết việc H cho các đối tượng khác mượn nhà để làm địa điểm đánh bạc vào ngày 08/3/2020 nên không xem xét xử lý đối với ông N, bà B là đúng quy định của pháp luật.

[5] *Về vật chứng vụ án:*

- 01 (một) chén sứ màu trắng, đường kính 11,1cm; Nhiều mảnh sứ màu trắng hoa văn màu C3 bị vỡ, mảnh lớn nhất kích thước (12x02)cm, mảnh nhỏ nhất kích thước (2,8x1,7)cm; Nhiều mảnh sứ màu trắng hoa văn màu C3 bị vỡ, mảnh lớn nhất kích thước (06x3,5)cm, mảnh nhỏ nhất kích thước (01x1,7)cm; 01 (một) tờ giấy in hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai kích thước (41x31,8)cm, mặt sau tờ giấy có vẽ các hình tròn kẻ thành 04 ô vuông; 19 (N chín) lá bài tây còn nguyên ven; 08 (tám) đồng vị hình tròn được cắt từ lá bài tây, đường kính 02cm; 01 (một) cái mền màu hồng hoa văn màu vàng, kích thước (180x110)cm; 02 (hai) vỏ lon nước ngọt hiệu Redbull; 01 (một) vỏ lon bia hiệu BiviE4; 01 (một) đèn pin cầm tay (loại sạc điện), màu đỏ, không rõ hiệu, trên thân đèn có dán tờ giấy ghi dòng chữ TH.11.17 là các công cụ, phương tiện phục vụ việc đánh bạc, xét thấy không có giá trị, nên tịch thu tiêu hủy.

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 44.119.000 đồng (theo ủy nhiệm chi số 05 lập ngày 22/10/2020) gồm: Số tiền thu giữ trên chiếu bạc 5.179.000đ; số tiền thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc được xác định sử dụng vào việc đánh bạc 7.750.000đ và số tiền 200.000đ thu L bất chính của Nguyễn Ngọc H, đây là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc và thu L bất chính, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại 30.990.000đ, trong đó của Nguyễn G B 30.000đ, Nguyễn K L 3.000.000đ, Nguyễn Văn C 24.800.000đ, Bùi Văn V 3.000.000đ, Nguyễn Ngọc H 160.000đ không có căn cứ chứng minh là sẽ dùng vào việc đánh bạc, nên xét trả lại cho các bị cáo.

- Đối với các vật chứng khác gồm: 01 (một) xe mô tô BKS 86H8-4638, kiểu dáng Wave, màu C3 của Phạm Đình K; 01 (một) xe mô tô BKS 78F8-1494, kiểu dáng Dream của Nguyễn Thành M2; 01 (một) xe mô tô BKS 78H1-8226, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius của Bùi Văn V; 01 (một) xe mô tô BKS 78M1-6700, kiểu dáng

Wave của Nguyễn G B (xe đã thay đổi một số bộ phận); 01 (một) xe mô tô BKS 78K1-040.06, nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ - đen của Nguyễn S; 01 (một) xe mô tô BKS 78K1-107.21, nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu trắng của Nguyễn Văn C; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen của Nguyễn S; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu hồng của Nguyễn Ngọc H; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen của Nguyễn Ngọc H; 01 (một) điện thoại di động hiệu SamSung, màu hồng của Nguyễn K L; 01 (một) điện thoại di động hiệu Viettel, màu đỏ của Nguyễn G B; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen của Nguyễn Thị Y; 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, màu vàng đồng của Nguyễn Văn C; 01 (một) điện thoại di động hiệu CoGo, màu đen, viền đỏ của Phạm Thị G Y. Xét thấy các vật chứng này không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội hoặc có liên quan đến hoạt động phạm tội, nên trả lại cho các bị cáo.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các *F* trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “*Gá bạc*”; Các bị cáo Nguyễn S, Nguyễn G B, Nguyễn K L, Phạm Đình K, Nguyễn Lâm Q, Bùi Văn V, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Văn C, Phạm Thị G Y, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Nguyễn K M3, Nguyễn Thị Thu Ánh, Lê Thị Thu CH và Nguyễn Thị D1 phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng điểm b khoản 1, 3 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H. Xử phạt: Nguyễn Ngọc H 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/3/2020 đến ngày 17/3/2020 và phạt bổ sung 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*).

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn S, Nguyễn G B, Nguyễn K L, Phạm Đình K, Nguyễn Lâm Q, Bùi Văn V, Nguyễn Thị Y (không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo V, Y). Xử phạt:

+ Nguyễn S 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/3/2020 đến ngày 17/3/2020 và phạt bổ sung 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*).

+ Phạm Đình K 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và phạt bổ sung 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

+ Nguyễn Lâm Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và phạt bổ sung 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

+ Bùi Văn V 06 (S) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và phạt bổ sung 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

+ Nguyễn G B 06 (S) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/3/2020 đến ngày 17/3/2020 và phạt bổ sung 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

+ Nguyễn K L 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/3/2020 đến ngày 17/3/2020 và phạt bổ sung 10.000.000đ (mười triệu đồng).

+ Nguyễn Thị Y (Tiên) 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và phạt bổ sung 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Thu Ánh, Nguyễn K M3, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Phạm Thị G Y, Lê Thị Thu CH và Nguyễn Thị D1 (không áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS đối với bị cáo Ánh, D1). Xử phạt:

+ Nguyễn Văn C 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và phạt bổ sung 10.000.000đ (mười triệu đồng).

+ Các bị cáo Nguyễn Thị Thu Ánh, Nguyễn K M3, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Phạm Thị G Y, Lê Thị Thu CH và Nguyễn Thị D1 mỗi bị cáo 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn K M3, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Phạm Thị G Y, Lê Thị Thu CH mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng). Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu A1 và Nguyễn Thị D1.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Thu A1, Nguyễn K M3, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Phạm Thị G Y, Lê Thị Thu CH và Nguyễn Thị D1 cho UBND xã X nam, Huyện Đ, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục các bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* **Về vật chứng vụ án:** Áp dụng khoản 1 Điều 47; khoản 2, 3 Điều 106 BLHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chén sứ màu trắng, đường kính 11,1cm; Nhiều mảnh sứ màu trắng hoa văn màu C3 bị vỡ, mảnh lớn nhất kích thước (12x02)cm, mảnh nhỏ nhất kích thước (2,8x1,7)cm; Nhiều mảnh sứ màu trắng hoa văn màu C3 bị vỡ, mảnh lớn nhất kích thước (06x3,5)cm, mảnh nhỏ nhất kích thước (01x1,7)cm; 01 (một) tờ giấy in hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai kích thước (41x31,8)cm, mặt sau tờ giấy có vẽ các hình tròn kẻ thành 04 ô vuông; 19 (N chín) lá bài tây còn nguyên vẹn; 08 (tám) đồng vị hình tròn được cắt từ lá bài tây, đường kính 02cm; 01 (một) cái mền màu hồng hoa văn màu vàng, kích thước (180x110)cm; 02 (hai) vỏ lon nước ngọt hiệu Redbull; 01 (một) vỏ lon bia hiệu BiviE4; 01 (một) đèn pin cầm tay (loại sạc điện), màu đỏ, không rõ hiệu.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước (theo ủy nhiệm chi số 05 lập ngày 22/10/2020) số tiền 13.129.000đ (mười ba triệu, một trăm hai mươi chín ngàn đồng), trong đó thu giữ trên chiếu bạc 5.179.000đ; thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc được

xác định sử dụng vào việc đánh bạc 7.750.000đ và số tiền 200.000đ thu lợi bất chính của Nguyễn Ngọc H.

- Trả lại tiền và tài sản cho các bị cáo:

+ Trả lại cho Phạm Đình K 01 (một) xe mô tô BKS 86H8-4638, kiểu dáng Wave, màu C3.

+ Trả lại cho Nguyễn Thành M2 01 (một) xe mô tô BKS 78F8-1494, kiểu dáng Dream.

+ Trả lại cho Bùi Văn V số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) và 01 (một) xe mô tô BKS 78H1-8226, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius.

+ Trả lại cho Nguyễn G B số tiền 30.000đ (ba mươi ngàn đồng) và 01 (một) xe mô tô BKS 78M1-6700, kiểu dáng Wave và 01 (một) điện C4 di động hiệu Viettel, màu đỏ.

+ Trả lại cho Nguyễn S 01 (một) xe mô tô BKS 78K1-040.06, nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ - đen và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen.

+ Trả lại cho Nguyễn Văn C số tiền 24.800.000đ (hai mươi bốn triệu, tám trăm ngàn đồng) và 01 (một) xe mô tô BKS 78K1-107.21, nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu trắng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, màu vàng đồng.

+ Trả lại cho Nguyễn Ngọc H số tiền 160.000đ (một trăm S mươi ngàn đồng) và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu hồng và 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen.

+ Trả lại cho Nguyễn K L số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và 01 (một) điện C4 di động hiệu SamSung, màu hồng.

+ Trả lại cho Nguyễn Thị Y 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen.

+ Trả lại cho Phạm Thị G Y 01 (một) điện thoại di động hiệu CoGo, màu đen, viền đỏ.

(Số tiền theo ủy nhiệm chi số 05 lập ngày 22/10/2020 do Công an Huyện Đ nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Đ; Các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/10/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an Huyện Đ và Chi cục THADS Huyện Đ).

Tạm giao cho Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Đ số tiền và tài sản trả lại cho các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án về phần hình phạt bổ sung.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn S, Phạm Đình K, Nguyễn Lâm Q, Nguyễn G B, Nguyễn K L, Bùi Văn V, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Văn C, Phạm Thị G Y, Phạm Văn M1, Nguyễn Thành M2, Nguyễn K M3, Nguyễn Thị Thu Ánh, Lê Thị Thu CH và Nguyễn Thị D1 mỗi bị cáo pV chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND Huyện Đ;
- Công an Huyện Đ;
- UBND xã X nam;
- CC THADS Huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Vĩnh Long